

**BỘ NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM VÀ HÀNG HẢI.**

**DEPARTMENT OF AGRICULTURE, FOOD AND THE MARINE.**

**XUẤT KHẨU TINH DỊCH BÒ SANG VIỆT NAM  
EXPORT OF BOVINE SEMEN TO VIETNAM**

**Số Chứng Nhận Kiểm Dịch:**

**Health Certificate number:**

Quốc gia xuất khẩu: Ireland

Exporting country: Ireland

Người hoàn thành: Bác Sĩ Thú Y

For completion by: Official Veterinarian

**I. NHẬN DẠNG TINH DỊCH**

**IDENTIFICATION OF THE SEMEN**

<b>Danh tính (các) con bò để lấy tinh dịch (tên, ngày sinh, số đăng ký) Identity of donor bull(s) (name, date of birth, registration number)</b>	<b>Giống Breed</b>	<b>Số lượng và thể tích của ống hút tinh dịch Number and volume of semen straws</b>	<b>(Các) ngày khai thác và mã ngày (* ) Date(s) of collection and date code(s) (*)</b>

\* Chú giải (các) mã ngày

\* Explanation of date code(s)

.....

## II. XUẤT XỨ CỦA TINH DỊCH ORIGIN OF THE SEMEN

1) Tên và địa chỉ của Trung Tâm Thu Gôm Tinh Dịch  
Name and address of Semen Collection Centre

2) Số Phê Duyệt của Trung Tâm Thu Gôm Tinh Dịch:  
Approval number of Semen Collection Centre:

3) Tên và địa chỉ của người gửi:  
Name and address of consignor:

4) Địa chỉ nơi gửi lô hàng tinh dịch (địa điểm bốc hàng):  
The semen consignment is to be sent from (place of loading):

## III. NƠI NHẬN TINH DỊCH DESTINATION OF THE SEMEN

1) Tên và địa chỉ của người nhận:  
Name and address of consignee:

2) Số niêm phong trên công ten nơ vận chuyển:  
Number of seal on transport container:

3) Địa chỉ thực tế của nơi nhận tinh dịch:  
Address of actual destination of semen:

4) (Các) số giấy phép nhập khẩu:  
Import permit number(s):

## IV. THÔNG TIN KIỂM DỊCH HEALTH INFORMATION

Tôi, người ký tên dưới đây, chứng nhận rằng:  
I, the undersigned, certify that:

1) tinh dịch được mô tả trong Phần I đã được lấy từ bò tại Trung Tâm Thu Gom Tinh Dịch được mô tả trong Phần II, do cơ quan thú y có thẩm quyền của Ireland phê duyệt và dưới sự kiểm tra của bác sĩ thú y;  
the semen described in Paragraph I was derived from bull(s) standing at the Semen Collection Centre described in Paragraph II, which is approved by the competent veterinary authorities of Ireland and is under official veterinary control;

2) trước khi đưa vào Trung Tâm Thu Gom Tinh Dịch được phê duyệt, tất cả các con bò đã được cách ly trong khoảng thời gian ít nhất là 28 ngày ở một nơi đặc biệt đã được cơ quan thú y có thẩm quyền phê duyệt;  
prior to entering the approved Semen Collection Centre, all bovine animals have been subjected to a period of isolation of at least 28 days in special accommodation approved by the competent veterinary authority;

3) trong thời hạn 28 ngày trước khi bắt đầu giai đoạn cách ly được nêu tại khoản IV 2) ở trên, tất cả các con bò phải trải qua các xét nghiệm sau đây:  
within the 28 day period prior to commencing the period of isolation referred to in paragraph IV 2) above, all the bovine animals have been subjected to the following tests:

a) BỆNH LAO: xét nghiệm lao qua da so sánh bằng cách sử dụng vắc-xin chống lao dẫn xuất tinh khiết protein (PPD) của gia cầm và bò, với các kết quả âm tính theo diễn giải tiêu chuẩn của Bộ;  
TUBERCULOSIS: a comparative intradermal tuberculin test using avian and bovine purified protein derivative (PPD) tuberculins, with negative results according to the Department's standard interpretation;

b) BỆNH BRUCELLA: \* một xét nghiệm ngưng kết huyết thanh (SAT) (SAT âm tính có nghĩa là ít hơn 30 IU/ml), \* một xét nghiệm cố định bổ thể (CFT) (CFT âm tính có nghĩa là ít hơn 20 ICFTU/ml), hoặc một xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), hoặc \* ..... (một xét nghiệm huyết thanh theo quy định trong Cẩm Nang Động Vật Sống Trên Cạn của Tổ Chức Thú Y Thế Giới (OIE) đối với thương mại quốc tế), với các kết quả âm tính;  
BRUCELOSIS: \* a serum agglutination test (SAT) (negative SAT means less than 30 IU/ml), \* a complement fixation test (CFT) (negative CFT means less than 20 ICFTU/ml), or an enzyme-linked immunosorbent assay (ELISA), or \* ..... (a serological test prescribed by the Office International des Epizooties (OIE) Terrestrial Manual for international trade), with negative results;

c) BỆNH BẠCH HUYẾT BÒ: xét nghiệm khuếch tán miễn dịch trên thạch (AGIDT) hoặc một xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), với các kết quả âm tính;  
ENZOOTIC BOVINE LEUKOSIS: an agar gel immunodiffusion test (AGIDT) or enzyme-linked immunosorbent assay (ELISA), with negative results;

d) BỆNH VIÊM MŨI KHÍ QUẢN TRUYỀN NHIỄM Ở BÒ/BỆNH VIÊM BỌC MŨ ÂM ĐẠO – ÂM HỘ TRUYỀN NHIỄM (IBR/IPV): một xét nghiệm trung hòa huyết thanh (SNT) hoặc xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA) với các kết quả âm tính;  
INFECTIOUS BOVINE RHINOTRACHEITIS/INFECTIOUS PUSTULAR VULVO-VAGINITIS (IBR/IPV): a serum neutralisation test (SNT) or enzyme-linked immunosorbent assay (ELISA) with negative results;

e) VI-RÚT GÂY TIÊU CHẢY Ở BÒ: một xét nghiệm phân lập vi-rút (xét nghiệm kháng thể huỳnh quang hoặc xét nghiệm miễn dịch ô xy hóa) hoặc xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA) với các

kết quả âm tính. Trong trường hợp động vật dưới sáu tháng tuổi, xét nghiệm đã được hoãn lại cho đến khi động vật đủ 6 tháng tuổi;

**BOVINE VIRAL DIARRHOEA:** a virus isolation test (fluorescent antibody test or immunoperoxidase test) or enzyme-linked immunosorbent assay (ELISA) with negative results. In the case of an animal less than six months old, the test has been deferred until that age has been reached;

**4)** trong thời gian 28 ngày kể từ ngày cách ly được nêu tại khoản IV 2) ở trên, tất cả các con bò đã được thực hiện các xét nghiệm sau đây:

during the period of 28 days isolation referred to in paragraph IV 2) above, all the bovine animals have been subjected to the following tests:

a) **BỆNH BRUCELLA:** \* một xét nghiệm ngưng kết huyết thanh (SAT) (SAT âm tính có nghĩa là ít hơn 30 IU/ml), \* một xét nghiệm cố định bổ thể (CFT) (CFT âm tính có nghĩa là ít hơn 20 ICFTU/ml), hoặc một xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), hoặc \* ..... (một xét nghiệm huyết thanh theo quy định trong Cẩm Nang Động Vật Sống Trên Cạn của Tổ Chức Thú Y Thế Giới (OIE) đối với thương mại quốc tế), với các kết quả âm tính;

**BRUCELLOSIS:** \* a serum agglutination test (SAT) (negative SAT means less than 30 IU/ml), \* a complement fixation test (CFT) (negative CFT means less than 20 ICFTU/ml), or an enzyme-linked immunosorbent assay (ELISA), or \* ..... (a serological test prescribed by the OIE Terrestrial Manual for international trade), with negative results;

b) **BỆNH VIÊM MŨI KHÍ QUẢN TRUYỀN NHIỄM Ở BÒ/BỆNH VIÊM BỌC MŨ ÂM ĐẠO – ÂM HỘ TRUYỀN NHIỄM (IBR/IPV):** một xét nghiệm trung hòa huyết thanh (SNT) hoặc xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA) với các kết quả âm tính;

**INFECTIOUS BOVINE RHINOTRACHEITIS/INFECTIOUS PUSTULAR VULVO-VAGINITIS (IBR/IPV):** a serum neutralisation test (SNT) or enzyme-linked immunosorbent assay (ELISA) with negative results;

c) **NHIỄM KHUẨN CAMPYLOBACTER ĐƯỜNG SINH DỤC BÒ (*Campylobacter fetus venerealis*):** một xét nghiệm kháng thể miễn dịch huỳnh quang hoặc xét nghiệm nuôi cấy trên một mẫu vật liệu bao quy đầu, với kết quả âm tính;

**BOVINE GENITAL CAMPYLOBACTERIOSIS (*Campylobacter fetus venerealis*):** an immunofluorescent antibody test or a culture test on a sample of preputial material, with negative results;

d) **BỆNH TRICHOMONAS (*Phôi trùng roi đường sinh dục*):** một cuộc kiểm tra và xét nghiệm nuôi cấy dưới kính hiển vi trên mẫu vật liệu bao quy đầu, với kết quả âm tính;

**TRICHOMONIASIS (*Trichomonas fetus*):** a microscopic examination and culture test on a sample of preputial material, with negative results;

**5)** thông thường cứ 12 tháng một lần, tất cả các con bò tại Trung Tâm Thu Gom Tinh Dịch đều được thực hiện các xét nghiệm sau đây:

at regular 12-monthly intervals, all the bovine animals at the approved Semen Collection Centre are subjected to the following tests:

a) **BỆNH LAO:** xét nghiệm lao qua da so sánh bằng cách sử dụng vắc-xin chống lao dẫn xuất tinh khiết protein (PPD) của gia cầm và bò, với các kết quả âm tính theo diễn giải tiêu chuẩn của Bộ;

**TUBERCULOSIS:** a comparative intradermal tuberculin test using avian and bovine purified protein derivative (PPD) tuberculins, with negative results according to the Department's standard interpretation;

b) BỆNH BRUCELLA: \* một xét nghiệm ngưng kết huyết thanh (SAT) (SAT âm tính có nghĩa là ít hơn 30 IU/ml), \* một xét nghiệm cố định bổ thể (CFT) (CFT âm tính có nghĩa là ít hơn 20 ICFTU/ml), hoặc một xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), hoặc \* ..... (một xét nghiệm huyết thanh theo quy định trong Cẩm Nang Động Vật Sống Trên Cạn của Tổ Chức Thú Y Thế Giới (OIE) đối với thương mại quốc tế), với các kết quả âm tính;

BRUCELLOSIS: \* a serum agglutination test (SAT) (negative SAT means less than 30 IU/ml), \* a complement fixation test (CFT) (negative CFT means less than 20 ICFTU/ml), or \* ..... (a serological test prescribed by the OIE Terrestrial Manual for international trade), with negative results;

c) BỆNH BẠCH HUYẾT BÒ: xét nghiệm khuếch tán miễn dịch trên thạch (AGIDT) hoặc một xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), với các kết quả âm tính;

ENZOOTIC BOVINE LEUKOSIS: an agar gel immunodiffusion test (AGIDT) or enzyme linked-immunosorbent assay (ELISA), with negative results;

d) BỆNH VIÊM MŨI KHÍ QUẢN TRUYỀN NHIỄM Ở BÒ/BỆNH VIÊM BỌC MŨ ÂM ĐẠO – ÂM HỘ TRUYỀN NHIỄM (IBR/IPV): một xét nghiệm trung hòa huyết thanh (SNT) hoặc xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA) với các kết quả âm tính;

INFECTIOUS BOVINE RHINOTRACHEITIS/INFECTIOUS PUSTULAR VULVO-VAGINITIS (IBR/IPV): a serum neutralisation test (SNT) or enzyme-linked immunosorbent assay (ELISA) with negative results;

e) NHIỄM KHUẨN CAMPYLOBACTER ĐƯỜNG SINH DỤC BÒ (*Campylobacter fetus venerealis*): một xét nghiệm kháng thể miễn dịch huỳnh quang hoặc xét nghiệm nuôi cấy trên một mẫu vật liệu bao quy đầu, với kết quả âm tính;

BOVINE GENITAL CAMPYLOBACTERIOSIS (*Campylobacter fetus venerealis*): an immunofluorescent antibody test or a culture test on a sample of preputial material, with negative results;

f) BỆNH TRICHOMONAS (*Phôi trùng roi đường sinh dục*): một cuộc kiểm tra và xét nghiệm nuôi cấy dưới kính hiển vi trên mẫu vật liệu bao quy đầu, với kết quả âm tính;

TRICHOMONIASIS (*Trichomonas fetus*): a microscopic examination and culture test on a sample of preputial material, with negative results;

6) tất cả các xét nghiệm đã được thực hiện tại các phòng thí nghiệm đã được cơ quan thú y có thẩm quyền phê duyệt;

all the tests have been carried out at laboratories approved by the competent veterinary authority;

7) tinh dịch được mô tả ở trên được lấy từ những con bò:

the semen described above is derived from donor bulls which:

a) đã cho thấy không có dấu hiệu lâm sàng của bệnh vào (các) ngày thu gom tinh dịch;  
showed no clinical signs of disease on the day(s) of semen collection;

b) đã không được sử dụng để sinh sản tự nhiên trong khi ở Trung Tâm Thu Gom Tinh Dịch đã được phê duyệt;

have not been used for natural service while at the approved Semen Collection Centre;

c) đã không được tiêm phòng bệnh chân và miệng hoặc viêm mũi khí quản truyền nhiễm ở bò/bệnh viêm bọc mủ âm đạo – âm hộ truyền nhiễm (IBR/IPV);

have not been vaccinated against foot and mouth disease or infectious bovine rhinotracheitis/infectious pustular vulvo-vaginitis (IBR/IPV);

8) tinh dịch đã được mô tả ở trên:  
the semen described above:

- a) đã được xử lý bằng việc thêm vào các loại thuốc kháng sinh để tạo ra các nồng độ trong tinh dịch pha loãng cuối cùng như dưới đây:  
has been treated during processing by the addition of antibiotics to produce these concentrations in the final diluted semen:

**\*HOẶC LÀ:** không thấp hơn: 500 IU mỗi ml streptomycin, 500 IU mỗi ml penicillin, 150 µg mỗi ml lincomycin, 300 µg mỗi ml spectinomycin

**\*EITHER:** not less than: 500 IU per ml streptomycin, 500 IU per ml penicillin, 150 µg per ml lincomycin, 300 µg per ml spectinomycin

**\*HOẶC LÀ:** kết hợp thay thế kháng sinh có tác dụng tương đương chống lại khuẩn *Campylobacter*, *Leptospire* và *Mycoplasma*,  
cụ thể là.....

**\*OR:** an alternative combination of antibiotics with an equivalent effect against *Campylobacters*, *Leptospires* and *Mycoplasmas*,  
namely.....

- b) đã được lưu trữ trong một Trung Tâm Thu Gom Tinh Dịch đã được phê duyệt trong vòng ít nhất 28 ngày trước khi được gửi đi;  
has been stored in an approved Semen Collection Centre for at least 28 days before dispatch;
- c) đã được đặt trong hộp được làm sạch và khử trùng trước đó, trước khi được gửi đi hộp này đã được niêm phong dưới sự giám sát thú y. Số niêm phong được nêu ở khoản III, 3) ở trên.  
has been placed in a previously cleaned and disinfected container, which before dispatch was sealed under veterinary supervision. The seal number is stated at paragraph III 3) above.

9) Ireland không nằm trong vùng nhiễm bệnh lở chân và miệng và bệnh dịch tả ở trâu bò theo Bộ Quy Tắc về Sức Khỏe Động Vật Trên Cạn của Tổ Chức Thú Y Thế Giới (OIE);  
Ireland is free from foot and mouth disease and rinderpest in accordance with the OIE Terrestrial Animal Health Code;

10) Trung Tâm Thu Gom Tinh Dịch đã được phê duyệt, nơi tinh dịch được mô tả ở phần I ở trên được thu gom, phải được đặt ở vị trí trong bán kính 10 km tính từ trung tâm của khu vực không phát hiện trường hợp bệnh lở chân và miệng nào trước (các) ngày thu gom tinh dịch ít nhất 30 ngày.  
the approved Semen Collection Centre in which the semen described above in paragraph I was collected is located at the centre of an area of 10 kilometres radius in which there has been no case of foot and mouth disease for at least 30 days prior to the date(s) of semen collection.

\* Xóa nếu phù hợp  
\* Delete as appropriate

Dấu Chính Thức  
Official Stamp

Đã Ký .....  
Signed .....

Bác Sĩ Thú Y

Official Veterinarian

.....  
**Tên viết bằng chữ in hoa**  
**Name in block letters**

**Ngày .....**  
**Date .....**

**Địa Chỉ.....**

.....  
.....  
**Address.....**

